育達科技大學觀光休閒管理系新南向國際學生產學合作專班學生校外實習要點

(114 年 10 月 22 日修訂版)

Đại học Khoa học và Công nghệ Dục Đạt - Khoa Quản lý Du lịch và Giải trí

Những điểm chính về Thực tập ngoài trường dành cho Sinh viên trong Chương trình Hợp tác Vừa học vừa làm Tân Hướng Nam

(Bản sửa đổi ngày 22 tháng 10 năm 2025)

一、廣亞學校財團法人育達科技大學觀光休閒管理系(以下簡稱本系)為強化本系學生專業能力，落實教學理論與實務結合，使學生成為具觀光休閒產業實務能力之專業人才，依據本校學生實習辦法及相關規定，訂定本要點。

Khoa Quản lý Du lịch và Giải trí của Đại học Khoa học và Công nghệ Dục Đạt (sau đây gọi tắt là Khoa) thuộc Tập đoàn giáo dục Quảng Á nhằm tăng cường năng lực chuyên môn của sinh viên khoa, thực hiện việc kết hợp lý thuyết và thực hành giảng dạy, giúp sinh viên trở thành những nhân tài chuyên nghiệp có năng lực thực tế trong ngành du lịch và giải trí, dựa vào các quy định thực tập của trường và các quy định liên quan khác, Khoa đã đưa ra những điểm chính:

二、本系設有實習委員會，專責規劃與管理校外實習課程及相關事宜。實習委員會由本系專任教師組成，必要時可聘請產業代表或校外實習經驗豐富之教師擔任委員，協助審核實習機構與實習內容，並檢討實習課程成效。

Khoa đã thành lập Ủy ban Thực tập, chịu trách nhiệm lập kế hoạch và quản lý các chương trình thực tập ngoài trường và các vấn đề liên quan. Ủy ban Thực tập bao gồm các giảng viên toàn thời gian của khoa. Đại diện ngành hoặc giảng viên có nhiều kinh nghiệm thực tập ngoài trường có thể được bổ nhiệm làm thành viên nếu cần. Ủy ban hỗ trợ xem xét các tổ chức và nội dung thực tập, đồng thời đánh giá hiệu quả của các chương trình thực tập.

三、本系新南向產學合作專班校外實習課程為必修課程，共計 6 學分。學生修習校外實習課程時，每學分實習時數下限為 48 小時上限為 72 小時。本專班校外實習自大二起始推動，學生應在修業期限內完成所有實習學分要求。另本專班校外實習課程為應修之畢業學分，學生須依本系規定完成實習總時數、所有報告要求並經成績考核及格，方可取得該實習課程學分。學生未於修業期限內完成所有實習學分要求，將無法畢業。

Khóa thực tập ngoài trường dành cho lớp Vừa học vừa làm Tân Hướng Nam là khóa học bắt buộc, tổng cộng 6 tín chỉ. Khi sinh viên tham gia khóa thực tập ngoài trường, số giờ thực tập tối thiểu cho mỗi tín chỉ là 48 giờ và tối đa là 72 giờ. Khóa thực tập ngoài trường này bắt đầu từ năm thứ hai và sinh viên phải hoàn thành tất cả các yêu cầu về tín chỉ thực tập trong thời gian học. Ngoài ra, khóa thực tập ngoài trường này là tín chỉ tốt nghiệp bắt buộc. Sinh viên phải hoàn thành tổng số giờ thực tập, tất cả các yêu cầu báo cáo và vượt qua đánh giá năng lực theo quy định của khoa trước khi họ có thể nhận được tín chỉ cho khóa thực tập. Sinh viên

không hoàn thành tất cả các yêu cầu về tín chỉ thực tập trong thời gian học sẽ không được tốt nghiệp.

四、學生校外實習採三方契約制，實習合約由學校(甲方)、本系實習單位(乙方)與學生(丙方)三方共同簽訂。實習合約應明定實習內容、實習期間、實習工作職掌、實習課程學分及考核方式等事項。學校應督導實習合約簽訂與執行，確保學生、學校與實習機構三方權利義務均受保障。實習合約與學生與實習機構之雙方工讀合約必須區隔，不得將工讀約定併入實習合約。如學生於實習期間兼具工讀，亦應分開訂定合約，明確區分實習與工讀之性質與報酬。實習合約經三方簽署後生效，經學校核備後正式執行。

Sinh viên thực tập ngoài trường được thực hiện theo hệ thống hợp đồng ba bên. Hợp đồng được ký bởi trường đại học (Bên A), đơn vị thực tập của khoa (Bên B) và sinh viên (Bên C). Hợp đồng phải xác định rõ nội dung thực tập, thời lượng, trách nhiệm, tín chỉ khóa học và phương pháp đánh giá. Trường học phải giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng thực tập để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của sinh viên, nhà trường và đơn vị thực tập. Hợp đồng thực tập giữa sinh viên và đơn vị thực tập phải tách biệt với hợp đồng làm thêm. Nếu sinh viên kết hợp làm việc và học tập trong thời gian thực tập, phải ký các hợp đồng riêng để phân biệt rõ bản chất và thù lao của hoạt động thực tập và hoạt động làm thêm. Hợp đồng thực tập có hiệu lực sau khi được cả ba bên ký và được thực hiện chính thức sau khi trường học xem xét và phê duyệt.

五、本系每學期實習開始前，應召開實習行前說明會。說明會內容應包含實習課程計畫說明、實習機構與工作內容介紹、學生實習權利與義務、安全衛生教育與職業防護說明等事項。所有實習學生皆應參加行前說明講習，並繳交必要證件與保險證明。學校亦可安排實習機構代表參加說明會，以介紹機構概況及聯絡方式，協助學生快速熟悉實習環境與聯繫管道。

Khoa sẽ tổ chức buổi định hướng trước khi chính thức bắt đầu thực tập ở mỗi học kỳ. Buổi định hướng này bao gồm tổng quan về chương trình thực tập, giới thiệu về tổ chức và nội dung công việc thực tập, quyền và nghĩa vụ của sinh viên, cũng như giáo dục về an toàn, sức khỏe và sức khỏe nghề nghiệp. Tất cả sinh viên phải tham dự buổi định hướng trước khi chính thức tham gia thức tập và nộp các giấy tờ cần thiết cùng giấy chứng nhận bảo hiểm. Trường có thể đồng thời sắp xếp đại diện từ các đơn vị thực tập tham dự buổi định hướng để cung cấp thông tin tổng quan về tổ chức và thông tin liên hệ, giúp sinh viên nhanh chóng làm quen với môi trường thực tập và các kênh liên hệ.

六、學生實習前須完成投保作業。學生於執行校外實習期間，應依教育部規定投保「大專校院校外實習學生團體保險」或同等商業保險，以保障實習期間可能發生之意外或傷害事故。實習機構亦應負責實習場所之安全衛生防護，提供必要之職業安全設備與教育訓練，並協助學生瞭解與遵守相關安全規定。若學生在實習期間遭遇突發事件，應立即通知實習機構與學校，並依規定辦理事故申報與保險理賠程序。

Sinh viên phải hoàn tất thủ tục bảo hiểm trước khi chính thức tham gia thực tập. Trong thời gian thực tập ngoài trường, sinh viên phải mua "Bảo hiểm đoàn thể dành cho sinh viên thực tập ngoài trường" hoặc bảo hiểm thương mại tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục để phòng ngừa tai nạn hoặc thương tích có thể xảy ra trong quá trình thực tập. Tổ chức thực tập cũng có trách nhiệm đảm bảo an toàn và vệ sinh tại địa điểm thực tập, cung cấp trang thiết bị an toàn lao động cần thiết, giáo dục - đào tạo và đồng thời hỗ trợ sinh viên hiểu và tuân thủ các quy định an toàn liên quan. Nếu sinh viên gặp trường hợp khẩn cấp trong thời gian thực tập, sinh viên phải thông báo ngay cho tổ chức thực tập và nhà trường, đồng thời hoàn tất các thủ tục báo cáo tai nạn và yêu cầu bồi thường bảo hiểm theo quy định.

七、實習津貼與工讀薪資依法令規定給付。實習機構應依勞動基準法及相關法令規定，給予實習學生適當之實習津貼。實習津貼及工讀薪資應直接匯入學生個人專屬帳戶，並應分類入帳。實習機構不得以任何名義向學生代扣任何費用或要求繳交費用，亦不得將多筆津貼或薪資合併匯入後再自行分配。實習委員會及學校將不定期檢查津貼發放情形，如發現違規情事，將要求實習機構改正並追究相關責任。

Trợ cấp thực tập và tiền lương làm thêm phải được chi trả theo quy định của pháp luật. Chương trình thực tập phải cung cấp cho thực tập sinh các khoản trợ cấp thực tập phù hợp theo Luật Tiêu chuẩn Lao động và các luật, quy định liên quan. Trợ cấp thực tập và tiền lương làm thêm phải được chuyển trực tiếp vào tài khoản cá nhân của sinh viên và được hạch toán riêng. Chương trình thực tập không được giữ lại hoặc yêu cầu sinh viên chi trả dưới bất kỳ lý do nào, cũng không được gộp nhiều khoản trợ cấp hoặc tiền lương rồi tự ý phân phối. Ủy ban Thực tập và trường học sẽ định kỳ xem xét việc chi trả trợ cấp. Nếu phát hiện bất kỳ vi phạm nào, chương trình thực tập sẽ phải khắc phục và các bên liên quan sẽ phải chịu trách nhiệm.

八、本系實習場域以符合本系教育目標之觀光休閒相關產業為原則，包括但不限於：

Các địa điểm thực tập của khoa chủ yếu là các ngành liên quan đến du lịch và giải trí phù hợp với mục tiêu giáo dục của khoa, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

(一)旅宿業：Ngành công nghiệp lưu trú

(二)休閒農業區/場：Các khu du lịch sinh thái/ miệt vườn

(三)養生會館/養生館：Các trung tâm/ CLB chăm sóc sức khỏe

(四)休閒運動產業：Ngành công nghiệp thể thao giải trí

(五)體驗教育機構：Các cơ sở giáo dục trải nghiệm

(六)咖啡與餐飲業：Ngành cà phê và dịch vụ ăn uống

(七)旅行社：Công ty du lịch

(八)觀光遊樂業：Ngành du lịch và giải trí

九、實習機構應具備下列條件，方可接受媒合實習：

Các cơ sở thực tập phải đáp ứng các điều kiện sau đây để được chấp nhận kết hợp thực tập:

(一)遵法經營：具備合法執照與公司登記，無重大違法情事，並願意配合學校指導與評鑑需求。

Hoạt động tuân thủ pháp luật: Có giấy phép và đăng ký công ty hợp lệ, không vi phạm pháp luật nghiêm trọng và sẵn sàng hợp tác với nhu cầu hướng dẫn và đánh giá của trường.

(二)教育訓練機制：具有固定之指導主管與人力資源，能提供實習生必要之指導及工作訓練機會。

Cơ chế đào tạo và giáo dục: Có người giám sát cố định và nguồn nhân lực, có thể cung cấp cho thực tập sinh những hướng dẫn cần thiết và cơ hội đào tạo nghề.

(三)安全與福利：應落實職業安全衛生法之規定，提供安全工作環境，並須按規定為實習生投保保險及支給津貼。

An toàn và Phúc lợi: Các quy định của Luật An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp phải được thực hiện để đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Thực tập sinh cũng phải được hưởng bảo hiểm và lương theo quy định.

(四)報到與交流配合：實習機構應配合本系安排實習生到場報到、簽到及說明會，並與學校保持聯繫，提供學生實習進度或問題之回饋。

Báo danh và hợp tác trao đổi: Đơn vị thực tập cần phối hợp với khoa để sắp xếp việc đăng ký, làm thủ tục báo danh và hướng dẫn trực tiếp cho thực tập sinh. Đơn vị thực tập cũng cần giữ liên lạc với nhà trường để phản hồi về tiến độ thực tập của sinh viên hoặc bất kỳ vấn đề nào.

十、實習媒合與配對流程：Quy trình kết nối và phân bổ thực tập:

(一)系辦將定期彙整實習機構名冊與需求資訊，並公布徵選條件與可選擇之機構清單。

Khoa sẽ thường xuyên lập danh sách các cơ sở thực tập và yêu cầu thông tin, công bố tiêu chí tuyển chọn và danh sách các cơ sở có nhu cầu thực tập.

(二)學生依興趣與能力填寫實習意願表單，由實習委員會或導師依照學生學習目標與機構屬性進行媒合。

Sinh viên điền vào mẫu đơn xin thực tập dựa trên sở thích và khả năng của mình, và ủy ban thực tập hoặc cố vấn sẽ kết nối họ dựa trên mục tiêu học tập của sinh viên và các đặc điểm của cơ sở thực tập.

(三)媒合成功後，由學校通知雙方簽訂三方實習契約，並安排實習前行前說明。

Sau khi kết thúc quá trình kết nối, nhà trường sẽ thông báo cho cả hai bên ký hợp đồng thực tập ba bên và sắp xếp các buổi hướng dẫn trước khi thực tập.

十一、實習訪視與指導：實習期間，本系實習指導教師或其他專責人員應定期至實習機構訪視學生，了解實習情況與工作表現，並提供必要之協助與諮詢。原則上每學期至少訪視二次。遇實習生人數多或特殊情況時，可增加訪視頻次。

Thăm và hướng dẫn Thực tập: Trong thời gian thực tập, giảng viên hướng dẫn thực tập của

khoa hoặc các cán bộ chuyên trách khác sẽ thường xuyên đến cơ sở thực tập để đánh giá tiến độ và kết quả học tập của sinh viên, đồng thời cung cấp hỗ trợ và tư vấn cần thiết. Về nguyên tắc, các chuyến thăm nên được thực hiện ít nhất hai lần mỗi học kỳ. Có thể cần thêm các chuyến thăm nếu số lượng thực tập sinh đông hoặc phát sinh các trường hợp đặc biệt.

十二、實習申訴、轉換、退訓與處置機制

Cơ chế khiếu nại, đổi cơ sở thực tập, từ bỏ thực tập và cách xử lý

(一)學生申訴與核准退訓：Sinh viên khiếu nại và tán thành rút khỏi khóa thực tập.

1.申訴管道：學生若對實習機構之工作內容、環境或權益保障有疑義，得向本系實習委員會提出申訴，由委員會負責協調處理，經評估後若確有必要，本系將協助學生更換實習單位，以維護其學習權益。

Kênh khiếu nại: Nếu sinh viên có thắc mắc về nội dung công việc, môi trường làm việc hoặc việc bảo vệ quyền lợi tại cơ sở thực tập, sinh viên có thể nộp đơn khiếu nại lên Ủy ban Thực tập của Khoa. Ủy ban này sẽ điều phối và xử lý vấn đề. Sau khi đánh giá, nếu cần thiết, Khoa sẽ hỗ trợ sinh viên chuyển đổi đơn vị thực tập để bảo vệ quyền lợi học tập của mình.

2. 學生如因不可抗力因素或經學校輔導後仍無法完成校外實習課程者，得經系級實習委員會議審議後，由學校安排實習替代課程辦理。

Nếu sinh viên vì lý do bất khả kháng hoặc sau khi được nhà trường tư vấn mà vẫn không thể hoàn thành khóa thực tập bên ngoài, thì sau khi được Ủy ban Thực tập cấp khoa xem xét và phê duyệt, nhà trường sẽ sắp xếp cho sinh viên tham gia khóa học thay thế thực tập.

3.核准退訓申請：學生因個人重大因素或不可抗力事件，致使無法繼續實習者，應提出書面申請辦理退訓。本系僅受理下列經查證屬實之特殊原因：

Phê duyệt đơn xin rút thực tập: Sinh viên không thể tiếp tục thực tập vì lý do cá nhân hoặc bất khả kháng phải nộp đơn xin thôi học bằng văn bản. Khoa chỉ chấp nhận những lý do đặc biệt sau đây đã được xác minh:

(1)健康因素：因身體狀況無法負荷實習，須檢附公立醫療機構開立之診斷證明書，診斷證明書上需說明身體為什麼無法負荷實習。

Lý do sức khỏe: Ứng viên không thể thực tập do tình trạng sức khỏe phải nộp giấy chứng nhận y tế do cơ sở y tế công cấp, nêu rõ lý do không đủ khả năng thực tập.

(2)重大變故：因遭遇不可抗力之災變，或其他經系實習委員會議審核認定之重大合理事由。

Biến cố lớn: do thiên tai bất khả kháng hoặc các lý do lớn và hợp lý khác được hội đồng thực tập khoa chấp thuận.

4.申請程序：符合上述條件之學生，應填具「實習退訓申請書」，經實習指導教師與系主任審核通過後，方可辦理退訓。

Thủ tục nộp đơn: Sinh viên đáp ứng các yêu cầu trên phải hoàn thành "Đơn xin rút khỏi chương trình thực tập" và chỉ được rút khỏi chương trình thực tập sau khi được giáo viên hướng dẫn thực tập và trưởng khoa chấp thuận.

(二)實習媒合、轉換與參與義務為落實理論與實務結合之教學目的，本系新南向專班學生應依規定完成校外實習課程。學生有義務參與系上安排的實習媒合、面試及報到流程。若有違反，處理方式如下：

Để đạt được mục tiêu kết hợp lý thuyết với thực hành, sinh viên lớp Vừa học vừa làm Tân Hướng Nam được yêu cầu hoàn thành các kỳ thực tập ngoài trường. Sinh viên có nghĩa vụ tham gia các quy trình kết nối thực tập, phỏng vấn và đăng ký do khoa sắp xếp. Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý như sau：

1. 無故不參與媒合：學生應配合系上安排的實習廠商面試，若無正當理由(需提供有效證明)而缺席系上安排的實習面試，或持續拒絕與實習機構媒合，經輔導老師勸導後仍未改善者，將視為惡意放棄實習。

   Không tham gia kết nối thực tập mà không có lý do: Sinh viên phải hợp tác tham gia các buổi phỏng vấn của công ty thực tập do khoa tổ chức. Nếu không tham gia phỏng vấn thực tập do khoa tổ chức mà không có lý do chính đáng (phải cung cấp bằng chứng xác thực), hoặc tiếp tục từ chối kết nối với công ty thực tập và không cải thiện sau khi được cố vấn tư vấn, sẽ bị coi là cố ý bỏ dở thực tập.

2. 媒合成功後拒絕實習：學生於實習機構錄取並完成分發後，不得無故拒絕前往實習，若因個人因素(如自行找到非專業相關實習、個人興趣、適應不良等)欲放棄或轉換實習機構，須依規定辦理，未經核准即擅自拒絕報到者，該學期實習課程將視為曠課處理。

   Từ chối thực tập sau khi đã được kết nối thành công: Sau khi đậu phỏng vấn và được phân công vào cơ sở thực tập, sinh viên không được từ chối thực tập mà không có lý do. Nếu sinh viên muốn từ bỏ hoặc thay đổi cơ sở thực tập vì lý do cá nhân (như tìm được nơi thực tập khác với chuyên ngành, sở thích cá nhân, không thích nghi được, v.v.), sinh viên phải tuân thủ các quy định liên quan. Nếu từ chối đăng ký mà không được sự đồng ý, việc thực tập sẽ được coi là vắng mặt trong học kỳ đó.

3. 擅自轉換或從事實習合約外之工作：實習機構一經確認，無特殊理由不得任意更換。學生不得在未經系上核可的情況下，自行至未簽訂實習合約之場域實習，或在實習期間藉故請假、曠職卻從事其他工作。

   Chuyển công tác hoặc tuyển dụng trái phép ngoài hợp đồng thực tập: Sau khi đã được xác nhận, đơn vị thực tập không được phép thay đổi nếu không có lý do đặc biệt. Sinh viên không được phép thực tập tại địa điểm chưa ký hợp đồng thực tập mà

không có sự chấp thuận của khoa, hoặc không được phép nghỉ phép hoặc vắng mặt trong thời gian thực tập để làm việc khác.

4. 依本校選課準則第五條規定，大學部學生每學期應修習九學分以上。
Theo Điều 5 của Luật hướng dẫn lựa chọn khóa học của trường, sinh viên đại học phải học ít nhất chín tín chỉ mỗi học kỳ.

(三)違規實習之處置：Xử lý thực tập bất hợp pháp

1. 違規樣態：若學生有前述第(二)款所列之違規情事，或未經核准而有下列情形時，將視情節輕重，按本校學則及相關規定進行處置：
Các loại vi phạm: Nếu sinh viên vi phạm bất kỳ hành vi nào được liệt kê ở khoản (2) trên hoặc bất kỳ hành vi nào sau đây mà không được chấp thuận từ trước, sinh viên sẽ phải chịu kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm và theo quy định và nội quy học tập của trường:

(1)未依規定時間報到或參與實習。
Không báo danh hoặc không tham gia thực tập đúng giờ.

(2)未經核准擅自中斷或離崗。
Gián đoạn thực tập hoặc rời khỏi chỗ làm việc trái phép

(3)未依實習合約內容完成實習要求。
Không hoàn thành các yêu cầu thực tập theo hợp đồng thực tập

(4)實習期間無故曠職累計達 3 次。
Vắng mặt không có lý do quá 3 lần trong thời gian thực tập

2. 違法處置：若經查獲在不合法的場域兼職或工讀，除依校規議處外，亦將通報相關單位，依台灣相關法律規定處理，並可能影響在台學習資格。
Hành vi bất hợp pháp: Nếu bạn bị phát hiện làm việc bán thời gian hoặc thực tập tại một nơi bất hợp pháp, ngoài việc bị xử lý theo quy định của trường, chúng tôi cũng sẽ báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền và xử lý theo luật pháp Đài Loan hiện hành, điều này có thể ảnh hưởng đến tư cách học tập của bạn tại Đài Loan.

十三、本辦法經系務會議通過後施行，修正時亦同。
Quy định này sẽ được thực hiện sau khi được cuộc họp của khoa thông qua và các sửa đổi cũng được áp dụng tương tự.